

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 19/2018/DS-ST

Ngày 16 - 11 - 2018

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN - TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Anh Đại

Ông Dương Đình Tuấn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Bế Xuân Trường, Kiểm sát viên.

Ngày 16/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2018/TLST-DS ngày 27/8/2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-DS ngày 22/10/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Liên S, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Số xxx, đường T, thôn V, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N. Địa chỉ: Số xx, đường L, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt có văn bản xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thuỳ D (Nguyễn Thị Thuỳ D), sinh năm 19xx. Địa chỉ: Khu 4, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Hoàng Ngọc A, sinh năm 1995. Có mặt.

2. Anh Hoàng Tuấn T, sinh năm 1998. Có mặt.

3. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1990. Vắng mặt.

4. Anh Hoàng Tuấn A, sinh năm 1984. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Số 590, đường T, thôn V, xã H, thành phố L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/5/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/7/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hoàng Liên S trình bày:

Năm 2014 và năm 2015 ông Hoàng Liên S cho bà Nguyễn Thị N (là chị gái của bà Nguyễn Thủy D - là vợ của ông Hoàng Liên S, đã ly hôn) vay tổng số tiền là 400.000.000VNĐ, cụ thể: Lần thứ nhất; ngày 20/12/2014 (âm lịch) cho bà Nguyễn Thị N vay 300.000.000 VNĐ, số tiền này có nguồn gốc được ông Hoàng Liên S trích một phần từ số tiền 2.000.000.000 VNĐ do có người đặt cọc mua nhà đất tại số xx, đường T, phường H, thành phố L. Lần thứ hai; ngày 12/01/2015 (âm lịch) tiếp tục cho bà Nguyễn Thị N vay 100.000.000 VNĐ. Cả hai khoản vay đều lập giấy tờ vay, giao tiền trực tiếp tại nhà cũ của ông Hoàng Liên S tại số xx, đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; ông Hoàng Liên S là người quản lý tiền, giữ chìa khóa két và trực tiếp đưa tiền cho bà Nguyễn Thị N, có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thủy D (thời điểm cho vay đang là vợ của ông Hoàng Liên S) và các con trong gia đình, gồm Hoàng Tuấn A, Hoàng Ngọc A, Hoàng Tuấn T, Hoàng Thị H (con dâu). 02 Giấy tờ vay này do bà Nguyễn Thị N viết tay trực tiếp vào sổ ghi nợ của ông Hoàng Liên S, không có thỏa thuận về thời hạn, lãi suất. Hai bên thỏa thuận miệng về việc bà Nguyễn Thị N cam kết sau 1 - 2 năm sẽ trả nợ; tuy nhiên từ năm 2017 đến nay, ông Hoàng Liên S đã nhiều lần gặp trực tiếp, điện thoại, nhắn tin yêu cầu nhưng bà Nguyễn Thị N không trả tiền. Ngoài tài liệu, chứng cứ nêu trên nguyên đơn còn xuất trình các bản ảnh chứa nội dung tin nhắn điện thoại trao đổi qua lại về việc yêu cầu thanh toán khoản tiền nợ đang có tranh chấp; hiện tại bà Nguyễn Thị N đang kinh doanh 02 kiot tại chợ Đông Kinh, có nhà xe... nhưng việc không chịu trả nợ là do hai chị em vợ cấu kết chiếm đoạt tiền của ông. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho ông tổng số tiền gốc đã vay và không yêu cầu tính lãi suất.

Tại các bản khai, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Ngày 20/12/2014 (âm lịch) và ngày 12/01/2015 (âm lịch) bà có đến nhà vợ chồng ông Hoàng Liên S, bà Nguyễn Thủy D (Nguyễn Thị Thủy D) hỏi vay bà Nguyễn Thủy D (là em gái ruột) tổng số tiền 400.000.000 VNĐ. Việc giao nhận tiền là giao dịch giữa bà và bà Nguyễn Thủy D tuy nhiên để đảm bảo khách quan, bà và em gái thống nhất để ông Hoàng Liên S đứng tên trong Giấy vay tiền. Năm 2016 bà đã trả hết số tiền vay 400.000.000 VNĐ cho em gái. Việc trả tiền không lập văn bản hay viết giấy tờ giao nhận tiền vì là chị em tin tưởng nhau; nay bà không nhất trí yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thủy D (Nguyễn Thị Thủy D) trình bày:

Bà có được dùng tiền của gia đình đưa cho chị gái Nguyễn Thị N vay tổng số tiền 400.000.000 VNĐ, vào các ngày 30/12/2014 (âm lịch) và ngày 12/01/2015 (âm lịch), có lập giấy vay tiền lấy tên ông Hoàng Liên S đứng tên người cho vay. Việc vay và giao nhận tiền chỉ có vợ chồng bà và người vay tiền,

không có người chứng kiến, việc ông Hoàng Liên S nói có các con chứng kiến là không đúng sự thật vì lúc đó các con còn đang học đại học. Năm 2016 bà Nguyễn Thị N đã trả đủ số tiền vay cho bà Nguyễn Thị D, vì là chị em nên không viết giấy tờ, sau đó bà ly hôn với ông Hoàng Liên S và chuyển đi nơi khác sống, nay bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu nào khác, đề nghị Tòa xét xử vắng mặt, do bà ở xa và không còn liên quan đến vụ án.

Người làm chứng chị Hoàng Ngọc A trình bày: Ngày 30/12/2014 (âm lịch) chị được nghỉ học ở nhà; khi cả nhà đang ngồi ăn cơm ở phòng khách chị được chứng kiến việc bà Nguyễn Thị N đến hỏi vay số tiền 300.000.000 VNĐ, bố chị lấy tiền, rồi cùng mẹ xuống phòng khách viết giấy và đưa tiền cho bà Nguyễn Thị N. Ngày 12/01/2015 âm lịch, chị có được nghe bố mẹ nói chuyện, kể lại việc hôm nay bà Nguyễn Thị N có đến vay thêm 100.000.000 VNĐ.

Người làm chứng anh Hoàng Tuấn T trình bày: Ngày 30/12/2014 âm lịch (gần Tết âm lịch) và ngày 12/01/2015 (âm lịch) anh được chứng kiến bà Nguyễn Thị N đến hỏi bố mẹ anh vay tiền, anh nhìn thấy ông S cầm tiền đưa cho bà N tại phòng khách và có viết giấy tờ.

Người làm chứng anh Hoàng Tuấn A trình bày: Cuối tháng 12/2014 âm lịch anh được chứng kiến bà Nguyễn Thị N đến hỏi vay tiền, anh thấy bố anh (ông Hoàng Liên S) mở két lấy tiền đưa cho bác N, số tiền cụ thể bao nhiêu anh không rõ. Khi đó có anh, bố S, mẹ D, bác N cùng ngồi phòng khách, anh T, chị A cũng có mặt tại phòng khách chứng kiến; bố anh có để tiền ở trên bàn, bà N đếm tiền, ký vào sổ và đi về. Tiền này là tiền người mua nhà đặt cọc, sau đó hàng tháng anh vẫn thấy anh T và chị A đến nhà bà N để lấy tiền lãi, bà N có trả vài tháng đầu sau đó bà N không trả nữa. Lần vay tiền thứ 2 giữa bà N và ông S anh không được chứng kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Hội đồng xét xử tại phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đều đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử buộc bà Hoàng Thị N phải trả cho ông Hoàng Liên S số tiền 400.000.000VNĐ. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa ông Hoàng Liên S và bà Nguyễn Thị N có thỏa thuận cho vay tài sản và có lập thành văn bản, sau đó phát sinh tranh chấp, thời điểm lập giấy vay tiền nguyên đơn và bị đơn cùng cư trú trên địa bàn thành phố Lạng Sơn nên Tòa

án nhân dân thành phố Lạng Sơn thụ lý giải quyết vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Tại biên bản ngày 12/11/2018 về việc Tòa án giao quyết định hoãn và ấn định lại ngày mở phiên tòa, bà Nguyễn Thị N trình bày ý kiến và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị D đã có lời khai và có đơn đề nghị không triệu tập tham gia vụ án, đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy việc Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ông Hoàng Liên S khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi số tiền 400.000.000VNĐ trên cơ sở 02 giấy vay tiền, cụ thể: “Giấy vay tiền” lần thứ nhất đề ngày 30/12/2014 (âm lịch), có nội dung bà Nguyễn Thị N vay ông Hoàng Liên S số tiền 300.000.000VNĐ; giấy vay tiền này do bà Nguyễn Thị N viết tay và ký nhận, không có thời hạn và lãi suất. Giấy vay tiền lần hai cũng do bà Nguyễn Thị N viết tay với nội dung “Ngày 12/01/2015 âm lịch Nương vay 100.000.000 VNĐ (Một trăm triệu đồng)”.

[4] Việc bị đơn phủ nhận không được vay và lấy tiền trực tiếp với nguyên đơn và cho rằng việc viết tên ông Hoàng Liên S vào 02 giấy vay tiền chỉ để làm tin cho khách quan, nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh là không có căn cứ và mâu thuẫn với lời khai của nguyên đơn và lời trình bày của những người làm chứng. Tại đơn trình bày của bà Nguyễn Thị N ngày 07/9/2018 đã tự thừa nhận hai giấy vay đó là do tự tay mình viết và ký nhận toàn bộ số tiền nợ; đây là những tình tiết, sự kiện không cần chứng minh do đương sự tự thừa nhận, không phản đối theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Tại các biên bản lấy lời khai của người làm chứng là chị Hoàng Ngọc A, anh Hoàng Tuấn T và anh Hoàng Tuấn A, khẳng định không có mâu thuẫn, tranh chấp với bà Nguyễn Thuỳ D và bà Nguyễn Thị N, đồng thời thừa nhận được 02 lần chứng kiến việc vay tiền giữa bà Nguyễn Thị N với ông Hoàng Liên S là khách quan, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác trong vụ án. Mặt khác tại bản khai ngày 26/10/2018, bà Nguyễn Thị D cam đoan việc cho vay tiền chỉ có bà D, bà Nguyễn Thị N, ông Hoàng Liên S có mặt và bà N viết giấy vay tiền lấy tên ông S. Đủ căn cứ xác định trong 02 ngày 20/12/2014 (âm lịch) và ngày 12/01/2015 (âm lịch) bà Nguyễn Thị N là người vay tiền ông S tổng số tiền 400.000.000 VNĐ (lần 01 vay 300.000.000 VNĐ, lần 02 vay 100.000.000VNĐ); khẳng định 02 Giấy vay tiền ngày 20/12/2014 (âm lịch) và ngày 12/01/2015 (âm lịch) là hợp pháp.

[6] Xem xét trong sổ gốc cho vay nợ cho thấy, ngoài việc ông Hoàng Liên S cho bà Nguyễn Thị N vay tiền (chưa trả nên chưa gạch sổ), cũng với phương thức, cách thức cho vay - nhận nợ như trên, ông S còn cho nhiều người khác vay nhiều mã và tự ghi nhận nợ trong sổ; khi có người trả nợ, ông Hoàng

Liên S sẽ gạch sổ và viết nội dung đã nhận tiền vào sổ của người vay. Ngoài ra nguyên đơn còn cung cấp tài liệu các bản ảnh thể hiện nội dung các tin nhắn từ số điện thoại 09891412xx của bà Nguyễn Thị N đến số máy 09825989xx của ông Hoàng Liên S có nội dung thể hiện việc ông đòi tiền nợ, bà Nguyễn Thị N thừa nhận vay nhưng chưa có điều kiện trả tiền.

[7] Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị N cho rằng đã thanh toán hết số tiền 400.000.000 VNĐ cho bà Nguyễn Thủy D tuy nhiên bà Nguyễn Thị N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc thanh toán tiền nên bà phải chịu hậu quả về việc không chứng minh được việc đã thanh toán xong khoản tiền vay; để bảo vệ quyền lợi ích của mình là có căn cứ và hợp pháp hợp pháp bà Nguyễn Thị N có thể thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thủy D (em gái) hoàn trả lại cho bà số tiền đã nhận bằng một vụ án khác. Ông Hoàng Liên S không thừa nhận việc bà Nguyễn Thị N đã trả nợ và ông cho rằng do bà D và bà N là hai chị em ruột nên có tình câu kết để chiếm đoạt tiền của ông S; hơn nữa bà D đã ly hôn với ông S nên không còn có quan hệ về kinh tế, tài sản của gia đình. Tòa án đã lấy lời khai, tiến hành triệu tập các đương sự để đối chất và thu thập chứng cứ, đối chiếu bản gốc giấy viết tay và thu thập các bản ảnh nội dung tin nhắn qua lại giữa bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Liên S nhưng bà Nguyễn Thị N bà D và bà N đều vắng mặt không thể tiến hành đối chất. Bị đơn, người liên quan không có yêu cầu phản tố, độc lập.

[8] Do các bên đương sự không có thỏa thuận về lãi suất và nguyên đơn khởi kiện tự nguyện không yêu cầu tính lãi nên Tòa không xem xét, giải quyết.

[9] Từ các căn cứ, phân tích, đánh giá nêu trên xác định bà Nguyễn Thị N có vay ông Hoàng Liên S tổng số tiền 400.000.000 VNĐ theo các giấy vay viết tay đề ngày 30/12/2014 (âm lịch) và ngày 12/01/2015 (âm lịch) do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và được Tòa án chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 464, 466, 469 Bộ luật Dân sự.

[10] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ do đó không phải chịu án phí; bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn nên chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng $400.000.000\text{VNĐ} \times 5\% = 20.000.000\text{VNĐ}$ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[11] Lời phát biểu và quan điểm, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp với các nhận định, đánh giá căn cứ giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử .

[12] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 464, 466, 469, 275, 280 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu

nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm, nghĩa vụ hoàn trả cho ông Hoàng Liên S tổng số tiền 400.000.000VNĐ (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 20.000.000VNĐ (Hai mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp Ngân sách Nhà nước.

Ông Hoàng Liên S được hoàn trả lại số tiền: 10.000.000 VNĐ (Mười triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/02858 ngày 24/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự:;
- Lưu: Tòa, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Cường.